



UBND tỉnh Đồng Nai
Sở Công Thương

Tầng 4, Số 02, Nguyễn Văn Trị
Phường Thanh Bình
Thành phố Biên Hòa, Đồng Nai

SĐT: 02513941584
E-mail: sct@dongnai.gov.vn
Website : www.sct.dongnai.gov.vn

Sổ tay chính sách hỗ trợ phát triển ngành công nghiệp tỉnh Đồng Nai “CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO VÀ CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ”





MỤC LỤC

A. NGÀNH CÔNG NGHIỆP CÔNG CAO

<i>I. Chính sách ưu đãi</i>	<i>Trang 3</i>
<i>II. Điều kiện được hưởng chính sách ưu đãi</i>	<i>Trang 7</i>
<i>III. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận lĩnh vực công nghệ cao</i>	<i>Trang 11</i>

B. NGÀNH CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ

<i>I. Chính sách ưu đãi</i>	<i>Trang 12</i>
<i>II. Điều kiện được hưởng chính sách ưu đãi</i>	<i>Trang 16</i>
<i>III. Thủ tục cấp Giấy xác nhận ưu đãi “Dự án sản xuất sản phẩm CNHT”</i>	<i>Trang 17</i>

I. Chính sách ưu đãi:

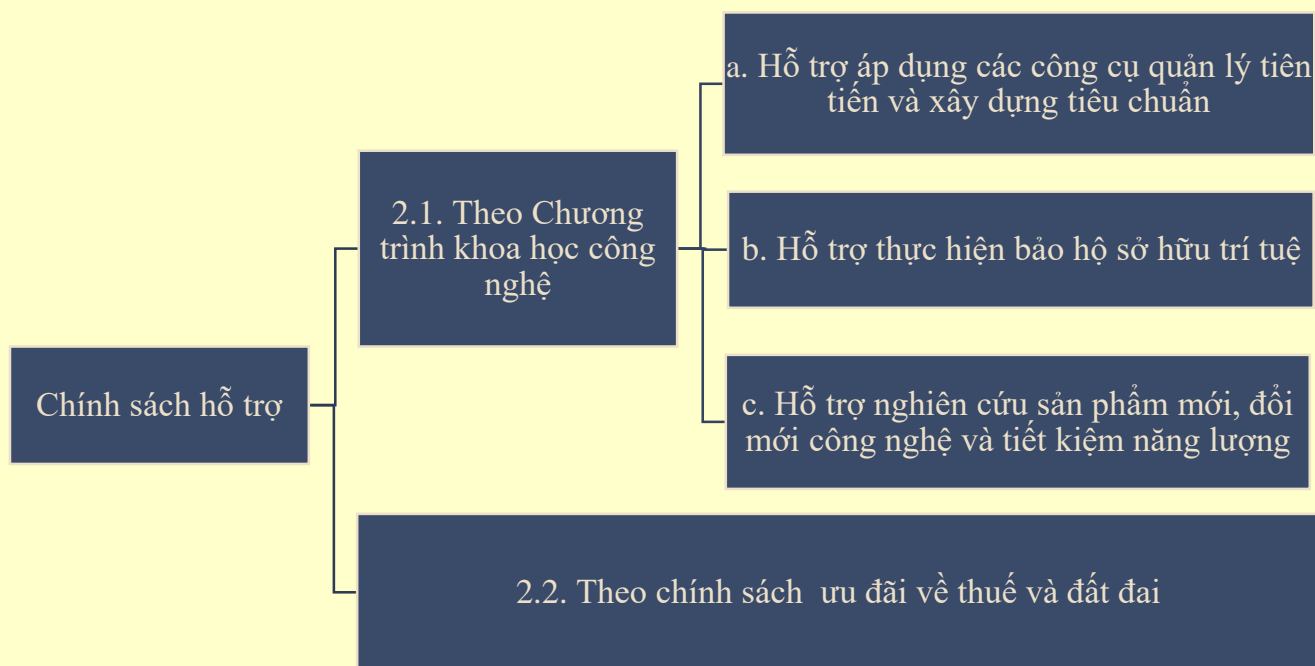
Chính sách hỗ trợ		
1. Hỗ trợ 100% phí tư vấn	2. Chính sách hỗ trợ phát triển	3. Ưu đãi đầu tư

1. Hỗ trợ 100% phí tư vấn:

Hướng dẫn, tư vấn cho các nhà đầu tư, doanh nghiệp, cá nhân thực hiện các thủ tục, hồ sơ cấp giấy chứng nhận theo quy định tại Thông tư 32/2011/TT-BKH-CN ngày 15/11/2011 của Bộ Khoa học và Công nghệ, cụ thể các loại giấy chứng nhận gồm:

- Hoạt động ứng dụng công nghệ cao.
- Doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao.
- Doanh nghiệp công nghệ cao”.

2. Chính sách hỗ trợ phát triển:



2.1. Theo Chương trình khoa học và công nghệ (được UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt tại Quyết định số 837/QĐ-UBND ngày 22/3/2016)

- Đối tượng: các doanh nghiệp nhỏ và vừa, Hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Điều kiện hỗ trợ: tất cả các doanh nghiệp Việt Nam thuộc mọi thành phần kinh tế, các đơn vị sự nghiệp nhà nước đóng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, trong đó ưu tiên các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Nội dung hỗ trợ: gồm 03 chương trình:

a. Chương trình hỗ trợ các tổ chức áp dụng các công cụ quản lý tiên tiến và xây dựng tiêu chuẩn, gồm các nội dung: hỗ trợ xây dựng và áp dụng các hệ thống quản lý tiên tiến; các tiêu chuẩn thực hành nông nghiệp tốt; hỗ trợ tư vấn áp dụng các công cụ năng suất; hỗ trợ trong việc kiểm toán năng suất chất lượng; hỗ trợ xây dựng tiêu chuẩn và hỗ trợ đánh giá sự phù hợp đối với các sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

b. Chương trình hỗ trợ bảo hộ sở hữu trí tuệ, gồm các nội dung: hỗ trợ xây dựng, khai thác, quản lý, bảo vệ và phát triển tài sản trí tuệ đối với chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu hàng hóa, kiểu dáng công nghiệp, sáng chế, giải pháp hữu ích, hỗ trợ xây dựng website.

c. Chương trình hỗ trợ nghiên cứu sản phẩm mới, đổi mới công nghệ và tiết kiệm năng lượng, gồm các nội dung: hỗ trợ thực hiện các đề tài, dự án nghiên cứu sản phẩm mới, đổi mới công nghệ; hỗ trợ ứng dụng các phần mềm trong quản lý; hỗ trợ kiểm toán năng lượng và tư vấn giải pháp tiết kiệm năng lượng.

- Mức hỗ trợ: tùy theo nội dung đăng ký hỗ trợ của từng chương trình được quy định tại Quyết định số 837/QĐ-UBND ngày 22/3/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai.

- Trình tự thủ tục: các doanh nghiệp có nhu cầu liên hệ Sở Khoa học và Công nghệ Đồng Nai để được hướng dẫn đăng ký hỗ trợ.

2.2. Các chính sách hỗ trợ khác nhằm thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp:

Thông tin chung về chính sách hỗ trợ, nội dung và mức hỗ trợ: quy định tại Quyết định số 59/2016/QĐ-UBND ngày 25/10/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai và Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai.

3. Ưu đãi đầu tư: cụ thể như sau:

STT	Hình thức ưu đãi	Nội dung ưu đãi		Văn bản hướng dẫn	
1	Thuế	TNDN	Ưu đãi về thuế suất	Áp dụng thuế suất 10% trong thời gian 15 năm	Tiêu chí được hưởng ưu đãi về thuế suất: Điểm d, Khoản 1, Điều 11, Thông tư số 96/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính.
			Ưu đãi về thời gian miễn giảm	Được miễn thuế 04 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo	Khoản 1, Điều 12, Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ Tài chính
		Thuế NK	Miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định		Điểm a, Khoản 1, Điều 16, Nghị định 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ, hướng dẫn bởi điều 14, Nghị định 134/2016/NĐ-CP của Chính phủ

2	Đất đai	<ul style="list-style-type: none"> - Dự án đầu tư thuộc lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư trong khu công nghệ cao: miễn tiền thuê đất cho cả thời gian thuê 	<p>Điều đ, Khoản 2, Điều 14, Nghị định 35/2017/NĐ-CP ngày 03/4/2017 của Chính phủ.</p> <p>Danh mục dự án thuộc lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư theo quy định tại Mục I, phần A, Phụ lục 1, ban hành kèm theo Nghị định 118/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ.</p>
		<ul style="list-style-type: none"> - Dự án đầu tư thuộc lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư tại các vị trí khác: <ul style="list-style-type: none"> + Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước trong thời gian xây dựng cơ bản theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng tối đa không quá 03 năm kể từ ngày có quyết định cho thuê đất, thuê mặt nước. + Sau thời gian xây dựng cơ bản: được miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước theo quy định của pháp luật về đất đai, cụ thể: mười một (11) năm đối với dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; dự án đầu tư thuộc Danh mục lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư, dự án thuộc Danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư được đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn 	<p>Điều 110, Luật số 45/2013/QH13, hướng dẫn bởi Khoản 2, Điều 19, Nghị định 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.</p> <p>Điều c, Khoản 3, Điều 19, Nghị định 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.</p>

II. Điều kiện được hưởng chính sách ưu đãi:

Điều kiện được hưởng chính sách		
1. Doanh nghiệp công nghệ cao	2. DN thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm CNC	3. Ứng dụng công nghệ cao

1. Doanh nghiệp công nghệ cao^{1, 2}:

Đáp ứng các tiêu chí sau:

- Sản xuất sản phẩm công nghệ cao thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển³.
- Áp dụng các biện pháp thân thiện môi trường, tiết kiệm năng lượng trong sản xuất và quản lý chất lượng sản phẩm đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của Việt nam; trường hợp chưa có tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam thì áp dụng tiêu chuẩn của tổ chức Quốc tế chuyên ngành.
 - Doanh thu từ sản phẩm công nghệ cao của doanh nghiệp phải đạt ít nhất 70% trong tổng doanh thu thuần hàng năm.
 - Tổng chi cho hoạt động nghiên cứu và phát triển được thực hiện tại Việt Nam trên tổng doanh thu thuần hàng năm đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ phải đạt ít nhất 1%. Đối với các doanh nghiệp có tổng nguồn vốn trên 100 tỷ đồng và tổng số lao động trên 300 người tỷ lệ này phải đạt ít nhất 0,5%.
 - Số lượng lao động có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên trực tiếp thực hiện nghiên cứu và phát triển trên tổng số lao động của doanh nghiệp đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ phải đạt ít nhất 5%. Đối với các doanh nghiệp có tổng nguồn vốn trên 100 tỷ đồng và tổng số lao động trên 300 người tỷ lệ này phải đạt ít nhất 2,5% nhưng không thấp hơn 15 người.

2. Doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao⁴:

a. Dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao đã hoặc đang triển khai phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chí sau đây:

- Sản xuất sản phẩm công nghệ cao thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển³.

- Sản phẩm được tạo ra từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao là sản phẩm có chất lượng, tính năng vượt trội, giá trị gia tăng cao, thân thiện với môi trường và có thể thay thế sản phẩm nhập khẩu.

- Dây chuyền công nghệ của dự án phải đạt trình độ tiên tiến và được điều khiển theo chương trình. Các thiết bị chính trong dây chuyền công nghệ được cập nhật các công nghệ mới trong lĩnh vực hoạt động của dự án cách thời điểm đầu tư không quá 05 năm.

- Hệ thống quản lý chất lượng của dự án phải đạt các tiêu chuẩn Quốc gia [TCVN ISO 9001: 2008](#) , CMM hoặc GMP (tùy theo đặc thù dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao áp dụng tiêu chuẩn quốc gia hoặc Quốc tế).

- Dự án phải tuân thủ các tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật về môi trường trong lĩnh vực hoạt động của dự án theo quy định của pháp luật Việt Nam. Khuyến khích dự án đạt được các tiêu chuẩn Quốc tế về môi trường như ISO 14000 hoặc tiêu chuẩn tương đương.

b. Đối với dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao chưa triển khai khi nộp hồ sơ phải cam kết trong thời gian 12 tháng kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận phải đáp ứng các tiêu chí nêu trên.

3. Ứng dụng công nghệ cao⁵:

a. Dự án đã hoặc đang triển khai khi nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận hoạt động phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chí sau đây:

- Công nghệ được sử dụng trong dự án ứng dụng công nghệ cao phải là công nghệ thế hệ mới và thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển³.

- Dự án ứng dụng công nghệ cao phải thuộc một trong các trường hợp sau:

+ Sử dụng kết quả nghiên cứu về công nghệ cao để đổi mới công nghệ, đổi mới và nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm góp phần hiện đại hóa hoặc hình thành ngành sản xuất, dịch vụ mới tại Việt Nam.

+ Sản xuất thử nghiệm sản phẩm công nghệ cao nhằm hoàn thiện công nghệ.

+ Làm chủ, thích nghi công nghệ cao nhập từ nước ngoài vào điều kiện thực tế Việt Nam, có sử dụng nguyên liệu, vật liệu, linh kiện, phụ tùng sản xuất trong nước thay thế nhập khẩu.

- Số lao động có bằng đại học trở lên trực tiếp tham gia thực hiện nghiên cứu và phát triển phải đạt ít nhất 5% tổng số lao động của dự án.

- Tổng chi bình quân cho hoạt động nghiên cứu và phát triển được thực hiện tại Việt Nam hàng năm phải đạt ít nhất 1% tổng doanh thu của dự án. Nội dung chi hoạt động nghiên cứu và phát triển bao gồm:

+ Tiền lương, tiền công, phụ cấp cho cán bộ nghiên cứu và phục vụ nghiên cứu; thù lao cho chuyên gia nhận xét, phản biện, đánh giá kết quả nghiên cứu; tiền công cho các đối tượng lao động khác tham gia và phục vụ nghiên cứu; chi hội thảo, hội nghị khoa học liên quan

đến nội dung nghiên cứu của dự án; chi cho đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ nghiên cứu.

+ Mua và vận chuyển nguyên liệu, vật liệu, hóa chất, nhiên liệu, năng lượng, phục vụ cho nghiên cứu.

+ Mua sản phẩm mẫu, tài liệu, số liệu quan trắc, số liệu điều tra, thông tin điện tử, văn phòng phẩm, vật dụng bảo hộ lao động, vật rẻ tiền mau hỏng phục vụ cho nghiên cứu.

Thuê cơ sở, trang thiết bị phục vụ cho nghiên cứu, thí nghiệm và thử nghiệm.

- Hệ thống quản lý chất lượng của dự án phải đạt các tiêu chuẩn Quốc gia [TCVN ISO 9001: 2008](#), CMM hoặc GMP (tùy theo đặc thù dự án ứng dụng công nghệ cao áp dụng tiêu chuẩn Quốc gia hoặc Quốc tế).

- Dự án phải tuân thủ các tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật về môi trường trong lĩnh vực hoạt động của dự án theo quy định của pháp luật Việt Nam. Khuyến khích dự án đạt được các tiêu chuẩn Quốc tế về môi trường như ISO 14000 hoặc tiêu chuẩn tương đương.

b. Đối với dự án ứng dụng công nghệ cao chưa triển khai, khi nộp hồ sơ phải cam kết trong thời gian 12 tháng kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận phải đáp ứng các tiêu chí nêu trên.

III. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận lĩnh vực công nghệ cao:

1. Nơi tư vấn và tiếp nhận hồ sơ:

Sở Khoa học và Công nghệ Đồng Nai tư vấn thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận.

Nơi tiếp nhận, thẩm định hồ sơ: Bộ Khoa học và Công nghệ.

Số lượng hồ sơ: 02 bộ, trong đó có 01 bộ hồ gốc và 01 bộ hồ sơ photo.

2. Thành phần hồ sơ đề nghị ⁶:

Doanh nghiệp CNC

- Đơn đề nghị (Mẫu B1 - DNCNC)
- Bản thuyết minh (Mẫu B2 - TMDNCNC)
- Bản sao một trong các giấy tờ sau: GCN đăng ký kinh doanh, GCN đầu tư, GCN doanh nghiệp khoa học và công nghệ

Doanh nghiệp thành lập mới từ dự án ĐT sản xuất sản phẩm CNC

- Đơn đề nghị (Mẫu B1 - DNTLM)
- Bản thuyết minh (Mẫu B2 - TMDNTLM)
- Bản sao GCN đăng ký kinh doanh hoặc GCN đầu tư

Hoạt động ứng dụng CNC

- Đơn đề nghị (Mẫu B1 - TCHĐUD, CNHĐUD)
- Bản thuyết minh (Mẫu B2 - TMDAUD)
- Đơn đề nghị xác nhận thuyết minh dự án ứng dụng công nghệ cao (Mẫu B3 - XNDAUD)

I. Chính sách ưu đãi:

Chính sách hỗ trợ		
1. Hỗ trợ 100% phí tư vấn	2. Chính sách hỗ trợ phát triển công nghiệp hỗ trợ	3. Ưu đãi đầu tư

1. Hỗ trợ 100% phí tư vấn:

Hướng dẫn, tư vấn cho các nhà đầu tư, doanh nghiệp thực hiện các thủ tục, hồ sơ cấp Giấy xác nhận ưu đãi “Dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ” theo quy định tại Thông tư số 55/2015/TT-BCT ngày 30/12/2015 của Bộ Công Thương quy định trình tự, thủ tục, hồ sơ xác nhận ưu đãi “Dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ” thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển.

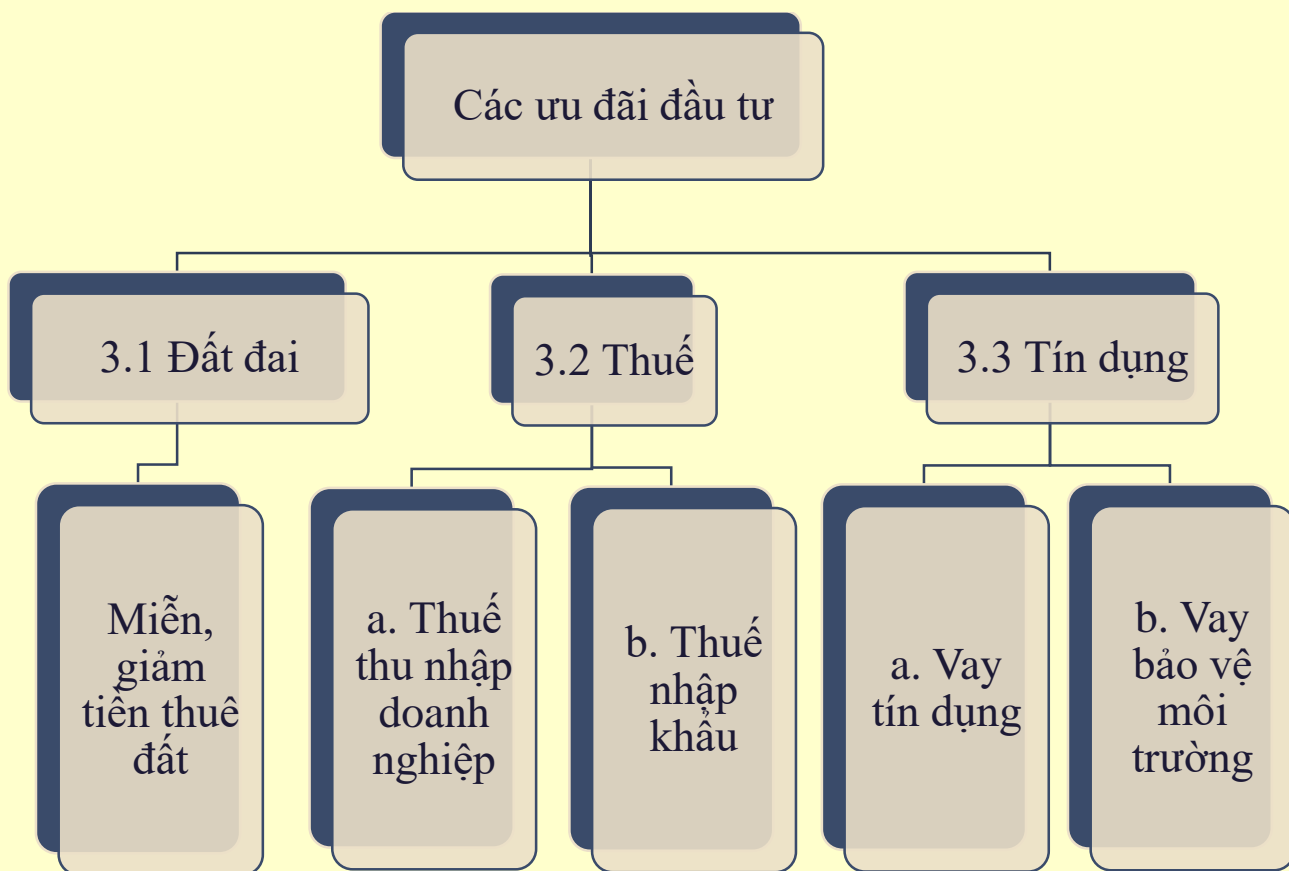
2. Chính sách hỗ trợ phát triển công nghiệp hỗ trợ ⁷:



Nội dung cụ thể của chính sách hỗ trợ phát triển công nghiệp hỗ trợ đã được Thủ tướng Chính phủ ban hành tại Quyết định số 68/QĐ-TTg ngày 18/01/2017 về việc phê duyệt Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ từ năm 2016 – 2025.

Thông tin chung về chính sách hỗ trợ, nội dung và mức hỗ trợ của tỉnh Đồng Nai: quy định tại Quyết định số 59/2016/QĐ-UBND ngày 25/10/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai và Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai.

3. Các ưu đãi đầu tư ⁸:



Cụ thể các ưu đãi đầu tư như sau:

STT	Hình thức ưu đãi		Nội dung ưu đãi		Văn bản hướng dẫn
1	Thuế	TNDN: Điều kiện được hưởng ưu đãi: Điều 4, Thông tư số 55/2015/TT-BCT ngày 30/12/2015 của Bộ Công Thương	Ưu đãi về thuế suất	Áp dụng thuế suất 10% trong thời gian 15 năm	Tiêu chí được hưởng ưu đãi về thuế suất: Điểm g, Khoản 1, Điều 11, Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ Tài chính.
			Ưu đãi về thời gian miễn giảm	Được miễn thuế 04 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo	Khoản 1, Điều 12, Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ Tài chính
	Thuế NK	Miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định		Khoản 11, Điều 16, Luật số 107/2016/QH 13, hướng dẫn bởi điều 14, Nghị định 134/2016/NĐ-CP của Chính phủ	
2	Đất đai		Được miễn giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước theo quy định của pháp luật về đất đai, cụ thể: Mười một (11) năm đối với dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; dự án đầu tư thuộc Danh mục lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư ; dự án thuộc Danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư được đầu tư tại địa bàn có điều kiện KT-XH khó khăn		Điểm c, Khoản 3, Điều 19, Nghị định 46/2014/NĐ-CP của Chính phủ. Danh mục dự án thuộc lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư theo quy định tại Mục I, phần A, Phụ lục 1, ban hành kèm theo Nghị định 118/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ.

3	Tín dụng		<p>Dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục ưu tiên phát triển được vay với lãi suất vay tín dụng đầu tư từ nguồn tín dụng đầu tư của Nhà nước;</p> <p>Được vay ngắn hạn bằng đồng Việt Nam tại các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài với mức lãi suất cho vay theo quy định của Ngân hàng Nhà nước tại từng thời kỳ</p>	<p>Điểm c, Khoản 1, Điều 12, Nghị định 111/2015/NĐ-CP của Chính phủ</p>
		Vay tín dụng	<p>Ưu đãi cho doanh nghiệp nhỏ và vừa: tín dụng đầu tư:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Được vay vốn tối đa 70% vốn đầu tư tại các tổ chức tín dụng trên cơ sở bảo lãnh của các tổ chức bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định khi đáp ứng các điều kiện sau: <ul style="list-style-type: none"> + Có tổng giá trị tài sản thế chấp, cầm cố tại tổ chức tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật tối thiểu 15% giá trị khoản vay, sau khi đã loại trừ giá trị tài sản cầm cố, thế chấp cho các khoản vay khác; + Có tối thiểu 20% vốn chủ sở hữu tham gia dự án đầu tư, sau khi trừ số vốn chủ sở hữu thu xếp cho các dự án khác; + Tại thời điểm đề nghị bảo lãnh, không có các khoản nợ đọng nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, nợ xấu tại các tổ chức tín dụng hoặc tổ chức kinh tế khác. 	<p>Điểm a, Khoản 2, Điều 12, Nghị định 111/2015/NĐ-CP của Chính phủ</p>
		Vay bảo vệ môi trường	<p>Được vay với lãi suất ưu đãi từ Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam cho hạng mục xử lý ô nhiễm, bảo vệ môi trường của Dự án</p>	<p>Điểm đ, Khoản 1, Điều 12, Nghị định 111/2015/NĐ-CP của Chính phủ</p>

II. Điều kiện được hưởng chính sách ưu đãi ⁸:

Doanh nghiệp được cấp Giấy xác nhận ưu đãi: “Dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ”.

Điều kiện được cấp Giấy xác nhận ưu đãi	
1. Thuộc danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển	2. Điều kiện được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp:

1. Sản phẩm công nghiệp hỗ trợ quy định tại Phụ lục Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển ban hành kèm theo Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03/11/2015 của Chính phủ và không thuộc Phụ lục 01 Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển trong nước đã sản xuất được trước ngày 01 tháng 01 năm 2015 ban hành kèm theo Thông tư số 55/2015/TT-BCT ngày 30/12/2015 của Bộ Công Thương.

2. Trường hợp được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đáp ứng thêm điều kiện: Sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển trong nước đã được sản xuất trước ngày 01/01/2015 (Phụ lục 01 kèm Thông tư số 55/2015/TT-BCT - đính kèm phụ lục) và có giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn kỹ thuật của Liên minh Châu Âu hoặc tương đương (nếu có).

III. Thủ tục cấp Giấy xác nhận ưu đãi “Dự án sản phẩm công nghiệp hỗ trợ

1. Nơi tư vấn và tiếp nhận hồ sơ:

Sở Công
Thương
Đồng Nai

- Đối với dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển của Doanh nghiệp nhỏ và vừa

Bộ Công
Thương

- Các doanh nghiệp còn lại

2. Thành phần hồ sơ đề nghị:


2.1 Số lượng hồ sơ:

- Doanh nghiệp nộp 06 bản hồ sơ, trong đó có 01 bản chính và 05 bản sao.
- Hồ sơ phải được niêm phong và ghi rõ bên ngoài các thông tin liên quan đến tổ chức, cá nhân đăng ký xin ưu đãi.
- Trường hợp các dự án có thay đổi về điều kiện áp dụng ưu đãi đầu tư thì gửi hồ sơ bổ sung (nội dung thay đổi) tới cơ quan có thẩm quyền để xem xét.

2.2 Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị xác nhận ưu đãi (Phụ lục 02 - Thông tư số 55/2015/TT-BCT ngày 30/10/2015 của Bộ Công Thương).
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
- Thuyết minh dự án:
 - Trường hợp dự án được thực hiện lần đầu hoặc hoạt động độc lập: Báo cáo (dự án) đầu tư theo quy định hiện hành của pháp luật về đầu tư và xây dựng.

- Trường hợp dự án đang sản xuất:
 - + Thuyết minh hiện trạng quy trình sản xuất, cơ sở vật chất (nhà xưởng), máy móc thiết bị (bảng kê danh mục và công suất máy móc, thiết bị chuyên ngành cho các công đoạn chính phù hợp với sản phẩm và quy mô đang sản xuất của cơ sở; thiết bị đo lường, kiểm tra chất lượng...); công suất sản xuất; báo cáo kiểm toán độc lập năm gần nhất trước thời điểm nộp hồ sơ xin xác nhận ưu đãi (hoặc báo cáo tài chính).
 - + Thuyết minh đầu tư mở rộng quy mô, đổi mới công nghệ có ứng dụng thiết bị mới, quy trình sản xuất mới theo quy định hiện hành của pháp luật về đầu tư và xây dựng với năng lực sản xuất tăng ít nhất 20%.
- d. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường (đối với dự án đầu tư mới) hoặc cam kết bảo vệ môi trường theo quy định pháp luật bảo vệ môi trường hoặc xác nhận hoàn thành công trình, biện pháp bảo vệ môi trường (đối với dự án đang hoạt động).
- e. Giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn kỹ thuật của Liên minh Châu Âu (các tiêu chuẩn do Ủy ban Tiêu chuẩn hóa Châu Âu CEN - European Committee for Standardization ban hành) hoặc tương đương (nếu có) do tổ chức chứng nhận được phép hoạt động chứng nhận theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm hàng hóa cấp.

 **Lưu ý:** theo quy định tại Thông tư 21/2016/TT-BTC ngày 05/02/2016 của Bộ Tài chính:

“...Giấy xác nhận ưu đãi sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển là cơ sở để áp dụng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp. Về mức ưu đãi, thời điểm bắt đầu ưu đãi, việc chuyển tiếp ưu đãi thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp...”



THAM KHẢO

1. Điều 75, Luật Đầu tư 2014 số 67/2014/QH13;
2. Quyết định số 19/2015/QĐ-TTg ngày 15/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định tiêu chí xác định doanh nghiệp công nghệ cao.
3. Quyết định số 04/VBHN-BKHCN ngày 28/8/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc phê duyệt danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển.
4. Điều 3, Thông tư số 32/2011/TT-BKHCN ngày 15/11/2011 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc xác định tiêu chí dự án ứng dụng công nghệ cao, dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao và thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao, doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao.
5. Điều 2, Thông tư số 32/2011/TT-BKHCN ngày 15/11/2011 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc xác định tiêu chí dự án ứng dụng công nghệ cao, dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao và thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao, doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao.
6. Điều 4, Thông tư số 32/2011/TT-BKHCN ngày 15/11/2011 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc xác định tiêu chí dự án ứng dụng công nghệ cao, dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao và thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao, doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao.
7. Chương II, Nghị định 111/2015/NĐ-CP ngày 03/11/2015 của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ.
8. Chương III, Nghị định 111/2015/NĐ-CP ngày 03/11/2015 của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ.